

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ SƠN KIM 2**

Số: ~~117~~/QĐ -UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Sơn Kim 2, Ngày 15 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán
thu chi ngân sách quý II năm 2024**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SƠN KIM 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ luật ngân sách nhà nước ngày 25/06/2015;

Căn cứ nghị định 163/NĐ-CP ngày 21/12/20216 của chính phủ quy định chi tiết thi hành 1 số điều của luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số: 50/NQ -HĐND ngày 30/12/2023 của HĐND xã Sơn Kim 2 về việc phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 cho xã Sơn Kim 2.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý II năm 2024 với số liệu cụ thể như sau:

A. Tổng thu trên địa bàn : 1.920.422.012 đồng

(Một tỷ chín trăm hai mươi triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn không trăm mười hai đồng)

Trong đó: - Thu tại xã:

464.047.012 đồng

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:

1.456.375.000 đồng

B. Tổng chi trên địa bàn xã: 1.889.640.400 đồng

(Một tỷ tám trăm tám mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi nghìn bốn trăm đồng).

Trong đó:

- Chi xây dựng cơ bản:

0 đồng

- Chi thường xuyên:

1.889.640.401 đồng

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND xã, bộ phận tài chính kế toán tổ chức thực hiện quyết định này.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính;
- Tài chính - Kế toán (gián niêm yết tại trụ sở);
- Lưu: VP-UBND, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cao Kỳ Vị

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ SƠN KIM 2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/BB-UBND

Sơn Kim 2, Ngày 15 tháng 7 năm 2024

BIÊN BẢN

**Niêm yết công khai số liệu thực hiện dự toán thu - chi
Ngân sách Quý II năm 2024**

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 15 /7/2024 của UBND xã Sơn Kim 2 về việc công khai số liệu thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý II năm 2024; Hôm nay, vào hồi 8h ngày 15 /7/2024 tại trụ sở UBND xã Sơn Kim 2 tiến hành lập biên bản niêm yết công khai số liệu thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý II năm 2024 cụ thể như sau:

- Thành phần:

- | | |
|--------------------------------------|------------------------|
| + Ông: Cao Kỳ Vị | - Chủ tịch UBND |
| + Ông: Trần Văn Sơn | - Phó Chủ tịch Ủy ban |
| + Ông: Đặng Đình Thăng | - P. Chủ tịch Hội đồng |
| + Bà: Phan Thị Nương | - VPTK - Thư ký |
| + Bà: Võ Thị Hằng | - Kế toán Ngân sách |
| + Bà: Đào Thị Thi | - Thanh tra nhân dân |
| - Chủ tọa: Ông Cao Kỳ Vị | - Chủ tịch UBND xã |
| - Ghi chép: Bà Phan Thị Nương | - VPTK UBND xã |

- Nội dung:

1. Ông Cao Kỳ Vị - Chủ tịch UBND thông qua Biên bản công khai theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

2. Thông báo các nội dung công khai

Công khai số liệu thực hiện số liệu dự toán thu chi ngân sách quý II năm 2024

3. Hình thức công khai

- Thông báo trước Cán bộ, công chức, thôn trưởng 8 thôn
- Công khai qua công thông tin điện tử xã

4. Địa điểm, thời gian niêm yết

- Niêm yết tại Bộ phận giao dịch Một cửa Trụ sở uỷ ban nhân dân xã Sơn Kim 2, nhà văn hoá 8 thôn

- Thời gian niêm yết: từ ngày 16/7/2024 đến ngày 16/8/2024

5. Giao bộ phận tài chính ngân sách xã phối hợp với Văn phòng UBND xã tổng hợp các ý kiến phản hồi trong quá trình công khai.

Biên bản thông qua trước cán bộ, công chức, thôn trưởng 8 thôn 11h30 phút cùng ngày và được các thành viên nhất trí 100%.

Ghi chép

Phan Thị Nương

Chủ tọa
Cao Kỳ Vị



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2024

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	9.605.421.000	1.920.422.012	19,52
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	17.000.000	6.940.694	40,83
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	2.960.800.000	457.106.318	13,89
3	Thu bổ sung	6.627.621.000	1.456.375.000	21,97
	- Bổ sung cân đối ngân sách	6.627.621.000	1.300.525.000	19,62
	- Bổ sung có mục tiêu		155.850.000	
4	Thu chuyển nguồn			
II	TỔNG SỐ CHI	7.424.011.620	1.889.640.401	27,39
1	Chi đầu tư phát triển			
2	Chi thường xuyên	7.267.482.620	1.889.640.401	27,98
3	Dự phòng	156.529.000		



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2024

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM				ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)				SO SÁNH (%)	
		THU NSNN		THU NSX		THU NSNN		THU NSX		THU NSNN	THU NSX
		1	2	1	2	3	4	5	6	5 = 3/1	6 = 4/2
A	B										
	Tổng số thu	15.620.621.000	9.605.421.000	1.920.422.012	1.920.422.012	1.920.422.012	1.920.422.012	12	19,52		
I	Các khoản thu 100%	17.000.000	17.000.000	6.940.694	6.940.694	6.940.694	6.940.694	40,83	40,83		
1	Phí, lệ phí	11.000.000	11.000.000	1.368.000	1.368.000	1.368.000	1.368.000	12,44	12,44		
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác										
	Thu từ quỹ đất công ích										
	Thu từ hoa lợi công sản trên đất công										
	Thu tiền đền bù khi nhà nước thu hồi đất										
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp										
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định					5.572.694	5.572.694				
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định										
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định										
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân										
8	Thu khác	6.000.000	6.000.000								
	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	8.976.000.000	2.960.800.000	457.106.318	457.106.318	457.106.318	457.106.318	4,58	13,89		
I	Các khoản thu phân chia	40.000.000	32.000.000			3.248.000	3.248.000	8,12	10,15		
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp										
12	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình										
13	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh										
14	Lệ phí trước bạ nhà, đất	40.000.000	32.000.000			3.248.000	3.248.000	8,12	10,15		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	8.936.000.000	2.928.800.000	453.858.318	453.858.318	453.858.318	453.858.318	4,57	13,94		
21	Thu tiền sử dụng đất	4.430.000.000	1.993.500.000	124.200.000	124.200.000	124.200.000	124.200.000	2,28	5,06		
22	Thu tiền thuế mất đất, mặt nước	6.000.000	1.800.000	2.848.053	2.848.053	2.848.053	2.848.053	47,47	158,23		
23	Thuế tài nguyên										
24	Thuế giá trị gia tăng	4.433.000.000	886.600.000	14.325.573	14.325.573	14.325.573	14.325.573	0,32	1,62		
25	Thuế thu nhập doanh nghiệp	67.000.000	46.900.000	312.484.693	312.484.693	312.484.693	312.484.693	433,09	618,71		
26	Thuế thu nhập cá nhân										
27	Thuế tiêu thụ đặc biệt										
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)										
IV	Thu chuyển nguồn										
V	Thu kết dư ngân sách năm trước										
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	6.627.621.000	6.627.621.000	1.456.375.000	1.456.375.000	1.456.375.000	1.456.375.000	21,97	21,97		
1	Thu bổ sung cân đối	6.627.621.000	6.627.621.000	1.300.525.000	1.300.525.000	1.300.525.000	1.300.525.000	19,62	19,62		
2	Thu bổ sung có mục tiêu			155.850.000	155.850.000	155.850.000	155.850.000				

UBND XÃ SƠN KIM 2

UBND XÃ SƠN KIM 2

UBND XÃ SƠN KIM 2